

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÌNH CHIỂU

ĐỀ 871

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2024 – 2025
Môn: Sinh học 10
Thời gian làm bài: 45 phút
(không kể thời gian phát đề)

Họ và tên: _____

Lớp: _____

ID: SỐ PHÁCH: ĐIỂM:					
MÃ ĐỀ [] [] [] 0 ○ ○ ○ ○ 1 ○ ○ ○ ○ 2 ○ ○ ○ ○ 3 ○ ○ ○ ○ 4 ○ ○ ○ ○ 5 ○ ○ ○ ○ 6 ○ ○ ○ ○ 7 ○ ○ ○ ○ 8 ○ ○ ○ ○ 9 ○ ○ ○ ○		SỐ BÁO DANH [] [] [] [] [] [] 0 ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ 1 ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ 2 ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ 3 ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ 4 ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ 5 ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ 6 ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ 7 ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ 8 ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ 9 ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○		PHẦN I ■ A B C D ■ A B C D 1 ○ ○ ○ ○ ○ 13 ○ ○ ○ ○ ○ 2 ○ ○ ○ ○ ○ 14 ○ ○ ○ ○ ○ 3 ○ ○ ○ ○ ○ 15 ○ ○ ○ ○ ○ 4 ○ ○ ○ ○ ○ 16 ○ ○ ○ ○ ○ 5 ○ ○ ○ ○ ○ 17 ○ ○ ○ ○ ○ 6 ○ ○ ○ ○ ○ 18 ○ ○ ○ ○ ○ 7 ○ ○ ○ ○ ○ 19 ○ ○ ○ ○ ○ 8 ○ ○ ○ ○ ○ 20 ○ ○ ○ ○ ○ 9 ○ ○ ○ ○ ○ 21 ○ ○ ○ ○ ○ 10 ○ ○ ○ ○ ○ 22 ○ ○ ○ ○ ○ 11 ○ ○ ○ ○ ○ 23 ○ ○ ○ ○ ○ 12 ○ ○ ○ ○ ○ 24 ○ ○ ○ ○ ○	PHẦN II Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4 ■ Đ S Đ S ■ Đ S Đ S a) ○ ○ a) ○ ○ a) ○ ○ a) ○ ○ b) ○ ○ b) ○ ○ b) ○ ○ b) ○ ○ c) ○ ○ c) ○ ○ c) ○ ○ c) ○ ○ d) ○ ○ d) ○ ○ d) ○ ○ d) ○ ○ ■ ■ Câu 5 Câu 6 ■ Đ S Đ S a) ○ ○ a) ○ ○ b) ○ ○ b) ○ ○ c) ○ ○ c) ○ ○ d) ○ ○ d) ○ ○ ■ ■
Phiếu: QM 2025 - Sử, Tin, CN, GDPL					

PHẦN III: TỰ LUẬN

[illegible]

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (3.0 điểm)

Câu 1: Những hợp chất nào sau đây khi bị thủy phân chỉ cho duy nhất một loại sản phẩm là glucose?

I. Lactose II. Cellulose III. Chitin IV. Saccharose V. Maltose VI. Glycogen

A. I, II, IV, V, VI. **B.** II, IV, V, VI. **C.** II, III, IV, VI. **D.** II, V, VI.

Câu 2: Động vật dùng loại đường nào sau đây làm chất dự trữ?

A. Saccharose. **B. Tinh bột.** **C. Chitin.** **D. Glycogen.**

Câu 3: Khi nói về nguyên tắc bổ sung ở RNA, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Tất cả các loại RNA đều có cấu tạo theo nguyên tắc bổ sung.

B. Trên tRNA chỉ có một số đoạn liên kết theo nguyên tắc bổ sung.

C. Ở tRNA có cấu tạo theo nguyên tắc bổ sung nên A bằng U và G bằng C.

D. Các cặp base liên kết bổ sung với nhau làm cho RNA dễ bị phân huỷ.

Câu 4: Bào quan duy nhất có ở tế bào nhân sơ là

A. Peroxisome **B. Lysosome.** **C. Ribosome.**

D. Bộ máy Golgi.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về tế bào nhân sơ?

A. Tế bào nhân sơ có kích thước rất nhỏ khoảng 0,5 – 5 μm .

B. Vật chất di truyền là phân tử DNA không có màng bao bọc.

C. Tế bào chất có hệ thống nội màng và khung xương tế bào.

D. Tế bào chất không chứa các bào quan có màng bao bọc.

Câu 6: Các thành phần chính có ở cả tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực gồm

A. màng sinh chất, tế bào chất, nhân hoặc vùng nhân.

B. vỏ nhầy, màng sinh chất, tế bào chất, nhân hoặc vùng nhân.

C. thành tế bào, màng sinh chất, tế bào chất, nhân hoặc vùng nhân.

D. vỏ nhầy, thành tế bào, màng sinh chất, tế bào chất, nhân hoặc vùng nhân.

Câu 7: Cho các phát biểu sau:

(1) Tế bào nhân thực có kích thước lớn hơn nhiều so với tế bào nhân sơ.

(2) Tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ đều chưa có nhân hoàn chỉnh.

(3) Tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ đều chứa các bào quan không có màng.

(4) Tế bào nhân thực có hệ thống nội màng còn tế bào nhân sơ không có.

Số phát biểu đúng khi nói về tế bào nhân thực và tế bào nhân sơ là

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 8: Các cấu trúc được bao bởi màng kép trong tế bào nhân thực gồm

A. nhân, ti thể, lục lạp.

B. ribosome, ti thể, lục lạp.

C. nhân, không bào, peroxisome.

D. peroxisome, lysosome, không bào.

Câu 9: Khi ở môi trường ưu trương, vì sao tế bào bị co nguyên sinh?

A. Chất tan khuếch tán từ tế bào ra môi trường. B. Chất tan khuếch tán từ môi trường vào tế bào.

C. Nước thẩm thấu từ môi trường vào tế bào. D. Nước thẩm thấu từ tế bào ra môi trường.

Câu 10: Các hình thức trao đổi chất qua màng gồm:

A. khuếch tán và thẩm thấu.

B. vận chuyển chủ

động và xuất nhập bào.

C. vận chuyển thụ động và vận chuyển chủ động.

D. vận chuyển thụ động và

xuất nhập bào.

Câu 11: Khi cơ thể hoạt động nhiều, thiếu hụt năng lượng, ATP sẽ

A. giải phóng năng lượng.

B. biến mất.

C. ngay lập tức được tổng hợp và cung cấp lại.

D. chuyển thành dạng năng lượng khác.

Câu 12: ATP được tạo ra từ đâu?

A. Từ những hoạt động của các bào quan trong mỗi tế bào hay đúng hơn là các lục lạp.

B. Từ những hoạt động của các bào quan trong mỗi tế bào hay đúng hơn là các ti thể.

C. Từ những hoạt động của các bào quan trong mỗi tế bào hay đúng hơn là các màng sinh chất.

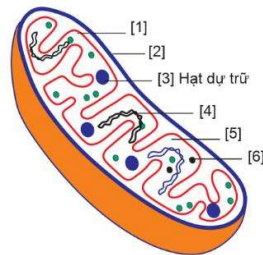
D. Từ những hoạt động của các bào quan trong mỗi tế bào hay đúng hơn là các hồng cầu.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (2.0 điểm)

Câu 1: Các phát biểu sau đây là **Đúng hay Sai** về phân tử protein?

- a). Phân tử protein được cấu trúc từ loại đơn phân là amino acid.
- b). Cấu trúc bậc 1 là các amino acid liên kết nhau nhờ liên kết peptide → chuỗi polypeptide có dạng mạch thẳng?
- c). Cấu trúc bậc 2 là chuỗi polypeptide ở dạng xoắn hoặc gấp nếp, lại tiếp tục co xoắn tạo nên cấu trúc không gian 3 chiều đặc trưng?
- d). Protein có vai trò bảo vệ cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh như kháng thể

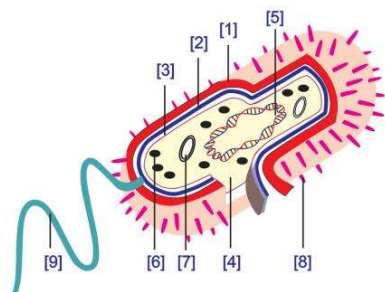
Câu 2: Hình sau đây là mô tả cấu trúc ty thể. Cho các nhận định từ câu 5 đến câu 8. Hãy xác định các nhận định **Đúng hay Sai**.



- a). [1] là màng trong gấp nếp hình răng lược làm tăng diện tích bề mặt.
- b). [5] là nơi diễn các phản ứng của hô hấp tế bào.
- c). [6] Chất nền là dịch chứa nhiều enzyme hô hấp, ribosome 70S, DNA,...
- d). Tế bào hoạt động càng nhiều thì càng có ít ti thể.

PHẦN III. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Quan sát hình cấu trúc của tế bào vi khuẩn dưới đây và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4



Câu 1: Vị trí nào [?] trên hình là vùng nhân của vi khuẩn?

Câu 2: Vị trí nào [?] trên hình là roi của vi khuẩn?

Câu 3: Vị trí nào [?] giúp tế bào vi khuẩn bám vào các bề mặt

Vị trí nào [?] trên hình là nơi mang thông tin di truyền quy định các đặc điểm của sinh vật

Câu 4: này

Câu 5: Hãy nối các thông tin ở cột cấu trúc tương ứng với cột chức năng cho phù hợp

<i>Cấu trúc</i>	<i>Chức năng</i>
1.Nhân	a. Tổng hợp lipid
2.Ribosome	b. Tổng hợp protein
3.Lưới nội chất hạt	c. Nơi tổng hợp protein (dịch mã)
4.Lưới nội chất trơn	d. Trung tâm điều khiển hoạt động sống

Câu 6: Xét các nhận định sau về chức năng của khung xương tế bào, hãy cho biết có bao nhiêu nhận định đúng?

<i>Ý</i>	<i>Mệnh đề</i>
1	Tổng hợp protein và enzyme cho tế bào.
2	Tham gia vào sự phân chia của tế bào.
3	Nơi neo đậu của các bào quan và enzyme.
4	Làm giá đỡ cơ học, giúp duy trì hình dạng tế bào.

Câu 7: Xét các nhận định sau về chức năng của bộ máy Golgi, hãy cho biết có bao nhiêu nhận định đúng?

<i>Ý</i>	<i>Mệnh đề</i>
1	Tiếp nhận, biến đổi, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào
2	Phân giải các hợp chất hữu cơ phức tạp thành chất đơn giản sinh năng lượng
3	Tổng hợp một số polysaccharide cấu tạo nên thành tế bào thực vật.
4	Tổng hợp protein sau đó đóng gói và phân phối đến màng sinh chất.

Câu 8: Hội chứng Tay – Sachs, một bệnh di truyền rất hiếm gặp ở trẻ em. Hội chứng này do rối loạn chuyển hóa enzyme hexosaminidase A, một loại enzyme chuyên chuyển hóa chất béo tên ganglioside trong não. Chất béo này không được phân hủy sẽ tích tụ trong não có thể dẫn đến mù lòa, chết não, liệt và tử vong. Trong tế bào, bào quan[1]..... có thể chứa enzyme trên. Em hãy điền bào quan thích hợp vào vị trí số [1].

Cho một đoạn DNA chứa gen cấu trúc có trình tự các nucleotide như sau và trả lời câu 9 đến câu 12.

5' ...AXATGTXGGTGAAAGXAXXTAG...3'

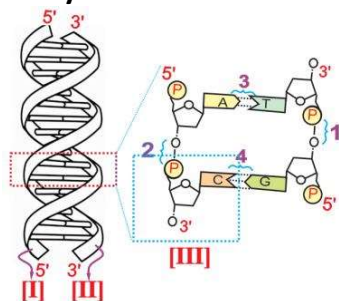
Câu 9: Viết trình tự nucleotide của mạch bổ sung.

Câu 10: Tính tổng số nucleotide của đoạn DNA trên.

Câu 11: Tính số liên kết hydrogen đoạn DNA trên.

Câu 12: Tính chiều dài của đoạn DNA trên.

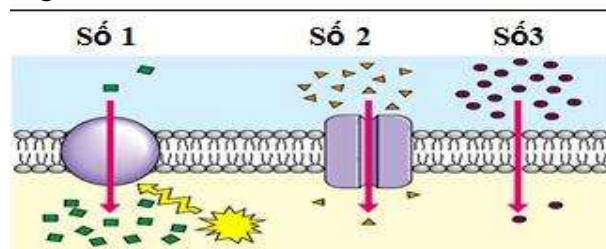
Quan sát hình cấu trúc DNA dưới đây và trả lời các câu hỏi từ câu 13 đến câu 14



Câu 13: Vị trí nào [?] trên hình là hai mạch đơn của DNA.

Câu 14: Vị trí nào [?] trên hình là liên kết hydrogen theo nguyên tắc bổ sung giúp các C-G trên 2 mạch đơn của DNA kết cặp đặc hiệu với nhau, khi mà số liên kết dạng đó tăng nhiều so với liên kết (3) thì làm cho cấu trúc DNA bền hơn.

Câu 15 Kiểu vận chuyển chủ động thuộc số bao nhiêu?



Câu 16: Có bao nhiêu nhận định dưới đây là đúng khi nói về sự vận chuyển thụ động các chất qua màng tế bào?

1. Không cần cung cấp năng lượng cho quá trình vận chuyển.
2. Các chất được vận chuyển từ nơi có nồng độ thấp sang nơi có nồng độ cao.
3. Chỉ xảy ra ở động vật không xảy ra ở thực vật.
4. Tuân thủ theo nguyên lí khuếch tán.

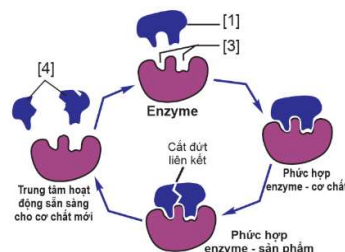
Câu 17: Có bao nhiêu cách vận chuyển nào sau đây thuộc hình thức vận chuyển chủ động?

- (1) Vận chuyển qua màng tế bào nhờ kênh protein
- (2) Vận chuyển glucose đồng thời với Natri qua màng tế bào
- (3) Vận chuyển các chất có kích thước lớn qua màng tế bào.
- (4) Vận chuyển Na^+ , K^+ bằng bơm protein qua màng tế bào.

Câu 18: Có bao nhiêu chất sau đây không khuếch tán trực tiếp qua màng sinh chất?

- (1) Nước, (2) khí NO , (3) Ba^{2+} , (4) Na^+ , (5) glucose, (6) rượu, (7) O_2 , (8) saccharose.

Dựa vào sơ đồ minh họa về cơ chế tác động của enzyme sau đây và trả lời câu 19 và câu 20



Câu 19: Vị trí nào [?] trên hình là sản phẩm?

Câu 20: Sơ đồ này có mấy loại enzyme xúc tác?

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2024 – 2025
Môn: Sinh học 10
Thời gian làm bài: 45 phút
(không kể thời gian phát đề)

Họ tên : Lớp :

ID:	SỐ PHÁCH:	ĐIỂM:
-----------	-----------------	-------------

MÃ ĐỀ

■	
0	○ ○ ○ ○
1	○ ○ ○ ○
2	○ ○ ○ ○
3	○ ○ ○ ○
4	○ ○ ○ ○
5	○ ○ ○ ○
6	○ ○ ○ ○
7	○ ○ ○ ○
8	○ ○ ○ ○
9	○ ○ ○ ○

SỐ BÁO DANH

■	
0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
1	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

PHẦN I

■ A B C D 1 ○ ○ ○ ○ 2 ○ ○ ○ ○ 3 ○ ○ ○ ○ 4 ○ ○ ○ ○ 5 ○ ○ ○ ○ 6 ○ ○ ○ ○ 7 ○ ○ ○ ○ 8 ○ ○ ○ ○ 9 ○ ○ ○ ○ 10 ○ ○ ○ ○ 11 ○ ○ ○ ○ 12 ○ ○ ○ ○	■ A B C D 13 ○ ○ ○ ○ 14 ○ ○ ○ ○ 15 ○ ○ ○ ○ 16 ○ ○ ○ ○ 17 ○ ○ ○ ○ 18 ○ ○ ○ ○ 19 ○ ○ ○ ○ 20 ○ ○ ○ ○ 21 ○ ○ ○ ○ 22 ○ ○ ○ ○ 23 ○ ○ ○ ○ 24 ○ ○ ○ ○
---	--

PHẦN II

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
■ Đ S a) ○ ○ b) ○ ○ c) ○ ○ d) ○ ○	■ Đ S a) ○ ○ b) ○ ○ c) ○ ○ d) ○ ○	■ Đ S a) ○ ○ b) ○ ○ c) ○ ○ d) ○ ○	■ Đ S a) ○ ○ b) ○ ○ c) ○ ○ d) ○ ○
Câu 5	Câu 6		
■ Đ S a) ○ ○ b) ○ ○ c) ○ ○ d) ○ ○	■ Đ S a) ○ ○ b) ○ ○ c) ○ ○ d) ○ ○		

Phiếu: QM 2025 - Sử, Tin, CN, GDPL

PHẦN III: TỰ LUẬN

[illegible]

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN (3.0 điểm)

Câu 13: Chức năng chủ yếu của đường glucose là

- A.** Tham gia cấu tạo thành tế bào.
B. Là thành phần của phân tử DNA
C. Tham gia cấu tạo nhiễm sắc thể.
D. Cung cấp năng lượng cho hoạt động của tế bào.

Câu 14: Ở cấu trúc bậc 1 của phân tử protein, các amino acid liên kết với nhau bằng loại liên kết nào sau đây?

- A. Glycosidic.** **B. Hydrogen** **C. Ion.** **D. Peptide.**

Câu 15: Mỡ động vật có nhiệt độ đông đặc cao hơn dầu thực vật vì

- A.** Các phân tử glycerol liên kết lại với nhau gây nên hiện tượng vón cục.
B. Tỷ lệ acid béo no trong mỡ động vật cao hơn trong dầu thực vật.
C. Tỷ lệ acid béo không no trong mỡ động vật cao hơn trong dầu thực vật.
D. Các phân tử glycerol của phân tử này liên kết với nhóm phosphate của phân tử khác gây nên hiện tượng đông đặc.

Câu 16: Chất di truyền của tế bào nhân sơ là

- A.** phân tử DNA dạng vòng kép nằm ở vùng nhân, có màng bao bọc
B. phân tử DNA dạng thẳng kép nằm ở vùng nhân, không có màng bao bọc.
C. phân tử DNA dạng vòng kép nằm ở vùng nhân, không có màng bao bọc.
D. phân tử DNA dạng thẳng kép nằm ở vùng nhân, có màng bao bọc.

Câu 17: Tên gọi tế bào nhân sơ bắt nguồn từ đặc điểm nào sau đây?

A. Vật chất di truyền của tế bào chỉ chứa 1 phân tử DNA dạng vòng kép, không liên kết với protein.

B. Tế bào chất của tế bào không chứa các bào quan có màng bao bọc, chỉ có duy nhất bào quan ribosome

C. Vật chất di truyền của tế bào nằm trong một vùng của tế bào chất, không có màng nhân bao bọc.

D. Tế bào chất của tế bào không có hệ thống nội màng để chia tế bào chất thành các khoang nhỏ.

Câu 18: Các thành phần chính có ở cả tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực gồm

A. màng sinh chất, tế bào chất, nhân hoặc vùng nhân.

B. vỏ nhầy, màng sinh chất, tế bào chất, nhân hoặc vùng nhân.

C. thành tế bào, màng sinh chất, tế bào chất, nhân hoặc vùng nhân.

D. vỏ nhầy, thành tế bào, màng sinh chất, tế bào chất, nhân hoặc vùng nhân.

Câu 19: Khi nói về tế bào nhân thực, có bao nhiêu phát biểu sau đây không đúng?

(1) Nhân tế bào là trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.

(2) Các thành phần của màng tế bào (glycoprotein, lipoprotein, các protein xuyên màng) đều được tổng hợp từ lưới nội chất hạt.

(3) Bộ máy Golgi là nơi tổng hợp các chất dinh dưỡng cho tế bào.

(4) Một trong những chức năng của lysosome là tiêu hủy tế bào cần thiết cho sự biệt hóa tế bào và quá trình biến thái của cơ thể sinh vật.

(5) Ti thể và lục lạp là hai bào quan được xem là trạm năng lượng cho tế bào.

A. 5.

B. 4.

C. 2.

D. 3.

Câu 20: Tại sao nói nhân là trung tâm điều khiển các hoạt động sống của tế bào?

A. Vì nhân chứa DNA mang các gene mã hóa protein tham gia các hoạt động sống của tế bào.

B. Vì nhân chứa protein mang các gene mã hóa DNA tham gia các hoạt động sống của tế bào.

C. Vì nhân chứa rRNA mang các gene mã hóa protein tham gia các hoạt động sống của tế bào.

D. Vì nhân chứa rRNA mang các gene mã hóa DNA tham gia các hoạt động sống của tế bào.

Câu 21: Các chất thường được vận chuyển thụ động theo hình thức khuếch tán tăng cường là:

A. các chất khí và các phân tử ưa nước.

B. các chất khí và các phân tử kị nước.

C. các phân tử ưa nước và các ion.

D. các phân tử kỵ nước và các ion.

Câu 22: Ví dụ nào dưới đây đã ứng dụng đặc điểm từng loại môi trường vào bảo quản thực phẩm trong đời sống?

A. Đóng hộp. B. Bảo quản trong tủ lạnh C. Làm mứt D. Phơi khô.

Câu 23: ATP là một hợp chất cao năng, năng lượng của ATP tích lũy chủ yếu ở

- A. cả 3 nhóm phosphat.
- B. hai liên kết phosphat gần phân tử đường.
- C. hai liên kết giữa 2 nhóm phosphat ở ngoài cùng.
- D. chỉ 1 liên kết phosphat ngoài cùng.

Câu 24: ATP được coi là “đồng tiền năng lượng của tế bào” vì:

- (1) ATP là một hợp chất cao năng;
- (2) ATP dễ dàng truyền năng lượng cho các hợp chất khác thông qua việc chuyển nhóm photphat cuối cùng cho các chất đó để tạo thành ADP;
- (3) ATP được sử dụng trong mọi hoạt động sống cần tiêu tốn năng lượng của tế bào;
- (4) Mọi chất hữu cơ trải qua quá trình oxygen hóa trong tế bào đều sinh ra ATP.

Những giải thích đúng trong các giải thích trên là

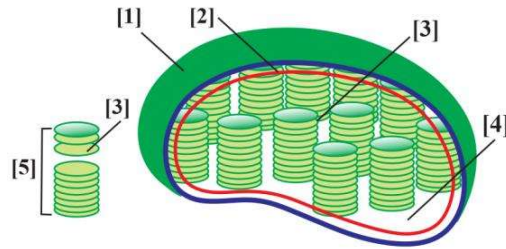
A. (1), (2), (3). B. (3), (4). C. (2), (3), (4). D. (1), (2), (3), (4).

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (2.0 điểm)

Câu 2:

- a). Mỡ ở trạng thái rắn là loại chất béo chứa hàm lượng lớn các gốc acid béo no.
- b). Chất béo chứa các gốc acid không no thường là chất lỏng ở nhiệt độ thường và được gọi là dầu.
- c). Phospholipid và steroid thuộc loại Lipid phức tạp
- d). Một phân tử phospholipid có cấu tạo bao gồm 1 phân tử glycerol và 1 phân tử acid béo và 1 nhóm phosphate

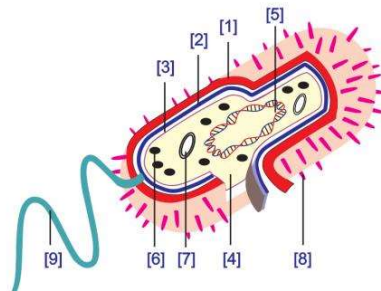
Hình sau đây là mô tả cấu trúc lục lạp. Cho các nhận định từ câu 5 đến câu 8. Hãy xác định các nhận định Đúng hay Sai.



- Câu 3:** a). [1] là hệ thống màng kép, màng ngoài và màng trong
 b). [2] là grana, trên mỗi lục lạp có nhiều granum nối thông với nhau, bao quanh các grana là chất nền (stroma).
 c). [3] là vùng stroma chứa hệ enzyme tham gia vào quá trình cố định CO_2 trong quang hợp và nơi này phân tử DNA dạng vòng và ribosome.
 d). [4] là nơi diễn ra tổng hợp protein.

PHẦN III. TỰ LUẬN (5.0 điểm)

Quan sát hình cấu trúc của tế bào vi khuẩn dưới đây và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4



- Câu 1:** Vị trí nào [?] trên hình là nơi diễn ra các quá trình chuyển hoá vật chất và năng lượng của tế bào (như tham gia quá trình hô hấp tế bào,...)
Câu 2: Vị trí nào [?] trên hình giúp vi khuẩn di chuyển?
Câu 3: Vị trí nào [?] là bộ phận giúp các tế bào vi khuẩn bám dính, tiếp hợp với nhau hoặc bám vào bề mặt tế bào của sinh vật khác.
 Vị trí nào [?] trên hình là nơi mang thông tin di truyền quy định các đặc điểm của sinh vật này?
Câu 4: này?
Câu 5: Hãy nối các thông tin ở cột cấu trúc tương ứng với cột chức năng cho phù hợp

<i>Cấu trúc</i>	<i>Chức năng</i>
1. Lục lạp	a. Chứa nước, ion khoáng, sắc tố,.....
2. Ti thể	b. Chế biến, lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm tế bào.
3. Bộ máy Golgi	c. Hô hấp tế bào
4. Không bào	d. Quang hợp

Câu 6: Xét các nhận định sau về chức năng của khung xương tế bào, hãy cho biết có bao nhiêu nhận định đúng?

<i>Ý</i>	<i>Mệnh đề</i>
1	Sự thay đổi vị trí và vận động của các phần tử bào không liên quan đến khung xương tế bào.
2	Khung xương tế bào gồm một mạng lưới các sợi trải rộng toàn bộ tế bào chất.
3	Là chỗ neo hay chỗ bám cho nhiều bào quan và nhiều enzyme trong bào tương.
4	Cấu trúc khung xương tế bào rất ổn định.

Câu 7: Xét các nhận định sau về chức năng của không bào, hãy cho biết có bao nhiêu nhận định đúng?

<i>Ý</i>	<i>Mệnh đề</i>
1	Không bào được bao bọc bởi lớp màng kép
2	Không bào được tạo ra từ hệ thống lưới nội chất và bộ máy Golgi.
3	Không bào tiêu hóa ở động vật nguyên sinh không phát triển
4	Không bào ở tế bào thực vật chứa các chất dự trữ, sắc tố, ion khoáng, dịch hữu cơ.

Câu 8: Ở người, nếu chất béo tích tụ quá nhiều trong não có thể gây tổn thương não, gây chết não có và thể dẫn tới tử vong. Việc chuyển hóa chất béo trong tế bào não có thể được thực hiện bởi các enzyme có trong bào quan(1)..... Em hãy điền bào quan thích hợp vào vị trí số [1].

Cho một đoạn DNA chứa gen cấu trúc có trình tự các nucleotide như sau và trả lời câu 9 đến câu 12.

3' ...TGTXAGAXXATTTXGTGGATX...5'

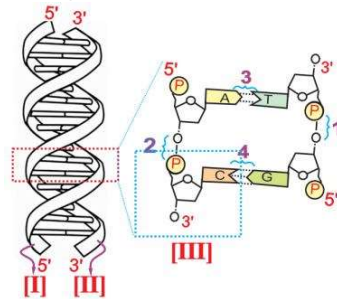
Câu 9: Viết trình tự nucleotide của mạch bổ sung.

Câu 10: Tính tổng số nucleotide của đoạn DNA trên.

Câu 11: Tính số liên kết hydrogen đoạn DNA trên.

Câu 12: Tính chiều dài của đoạn DNA trên.

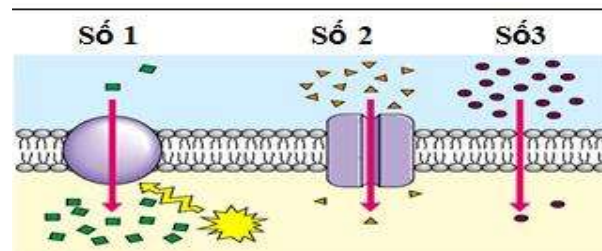
Quan sát hình cấu trúc DNA dưới đây và trả lời các câu hỏi từ câu 13 đến câu 14



Câu 13: Vị trí nào [?] trên hình là hai mạch đơn của DNA.

Câu 14: Vị trí nào [?] trên hình là liên kết hydrogen theo nguyên tắc bổ sung giúp các A-T trên 2 mạch đơn của DNA kết cặp đặc hiệu với nhau.

Câu 15 Sự vận chuyển qua lớp lipid kép thuộc số bao nhiêu?



Câu 16: Có bao nhiêu hiện tượng nào sau đây không phải là ví dụ của cơ chế vận chuyển thụ động?

1. Khi nhai cơm lâu sẽ cảm thấy ngọt.
2. Nước sẽ vận chuyển từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp.
3. O_2 từ phế nang vào mao mạch phổi.
4. Tim bơm máu đi khắp cơ thể.

Câu 17: Xét các hoạt động diễn ra trong tế bào:

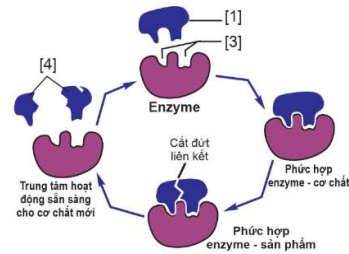
- (1) Tổng hợp các chất cần thiết diễn ra trong tế bào.
- (2) Vận chuyển chủ động các chất qua màng sinh chất.
- (3) Glucose khuếch tán qua màng tế bào.
- (4) Nước thẩm thấu vào tế bào khi tế bào ngập trong dung dịch nhược trương.

Có bao nhiêu hoạt động có sử dụng năng lượng ATP ?

Câu 18: Có bao nhiêu chất sau đây không khuếch tán trực tiếp qua màng sinh chất?

- (1) Nước, (2) khí NO , (3) Ba^{2+} , (4) Na^+ , (5) glucose, (6) rượu, (7) O_2 , (8) saccharose.

Dựa vào sơ đồ minh họa về cơ chế tác động của enzyme sau đây, hãy trả lời câu 19 và câu 20



Câu 19: Vị trí nào [?] trên hình là cơ chất?

Câu 20: Sơ đồ này có mấy loại enzyme xúc tác?

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÌNH CHIỂU

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CUỐI KÌ 1
NĂM HỌC 2024 – 2025
Môn: Sinh học 10
Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ 871

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	D	B	C	C	A	C	A	C	C	C	B

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S

PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1	4	Câu 11	57
Câu 2	9	Câu 12	78.2
Câu 3	8	Câu 13	I hoặc II
Câu 4	5	Câu 14	4
Câu 5	1d, 2c, 3b, 4a	Câu 15	1
Câu 6	2	Câu 16	2
Câu 7	2	Câu 17	2
Câu 8	Lysosome	Câu 18	5
Câu 9	3'...TGTAXAGAXXAXTTTGTGGATX...5'	Câu 19	4
Câu 10	46	Câu 20	1

ĐỀ 592

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	D	B	C	C	A	C	A	C	C	C	B

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S

PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1	4	Câu 11	57
Câu 2	9	Câu 12	78.2
Câu 3	8	Câu 13	I hoặc II
Câu 4	5	Câu 14	3
Câu 5	1d, 2c, 3b, 4a	Câu 15	2
Câu 6	2	Câu 16	2
Câu 7	2	Câu 17	2
Câu 8	Peroxisome	Câu 18	5
Câu 9	5'...AXATGTXTGTTGAAAGXAXXTAG...3'	Câu 19	1
Câu 10	46	Câu 20	1